

Biểu mẫu 07

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM ĐỒNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	33/66	
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	32	-
2	Phòng học bán kiên cố	-	-
3	Phòng học tạm	-	-
4	Phòng học nhờ, mượn	-	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	8518.3	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	4364.5	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	52	52 x 32 = 1664
2	Diện tích thư viện (m ²)	81	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	71	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	64	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	27	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	32	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	12	
1.2	Khối lớp 2	14	
1.3	Khối lớp 3	14	
1.4	Khối lớp 4	14	
1.5	Khối lớp 5	10	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ	106	Số học sinh/bộ

TT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
	học tập (Đơn vị tính: bộ)		
K	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
	Ti vi	34	
	Cát xét	1	
	Đầu Video/đầu đĩa	1	
	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
	Máy photocopy	1	
			

Nội dung	Số lượng (m ²)
Nhà bếp	
Nhà ăn	

Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
Khu nội trú			

Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
		Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
Đạt chuẩn vệ sinh*	24m		161		
Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Có	Không
Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
Kết nối internet	X	
Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
Tường rào xây	X	

Q12, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Phan Thị Ngọc Phương

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2019 - 2020

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	93													
	Giáo viên	77													
I	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc	-													
2	Ngoại ngữ	4			4										
3	Tin học	1			1										
4	Âm nhạc	1			1										
5	Mỹ thuật	2				2									
6	Thể dục	2				2									
II	Cán bộ quản lý	3													
1	Hiệu trưởng	1			1										
2	Phó hiệu trưởng	2			1										
III	Nhân viên	13													
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên thư viện	1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên khác	3													

Q12, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Thư trưởng đơn vị



Phan Thị Ngọc Phương